

2701

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 479 /BC-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ... 5 ...
Ngày: 16/10/2018



BÁO CÁO

Việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn về lĩnh vực tài chính từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách;
- Các vị đại biểu Quốc hội.

Thực hiện Kế hoạch số 258/KH-UBTVQH14 ngày 23/3/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội triển khai nội dung giám sát của Quốc hội về xem xét việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV; căn cứ vào kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 27 (tháng 9/2018); Chính phủ xin báo cáo Quốc hội việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn liên quan lĩnh vực tài chính từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV như sau:

I. TÌNH HÌNH, BỐI CẢNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI:

1. Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế xã hội trong nước đạt được kết quả tích cực: năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra và đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua; thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2016, là mức kỷ lục trong vòng 10 năm qua; kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt kỷ lục với tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu vượt mốc 400 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt 2,7 tỷ USD; Lượng khách quốc tế Việt Nam đạt 12,9 triệu khách, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2016.

- Công tác cải cách hành chính đã và đang được Chính phủ triển khai tích cực và thu được kết quả đáng kể. Đặc biệt cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan bước đầu đã tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho người nộp thuế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Khó khăn, thách thức:

Bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực đạt được trong năm 2017 nói trên, song tình hình kinh tế - xã hội trong nước vẫn còn đối mặt nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu cùng với đó là những tồn tại lâu nay của nền kinh tế như năng suất lao động thấp, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh chưa cao.

Mặt khác, quá trình hội nhập kinh tế đã có tác động đáng kể tới nền kinh tế: một mặt, kích thích tăng trưởng xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch hơn, bên cạnh đó cũng tạo áp lực về tài chính, giảm thu ngân sách khi chúng ta thực hiện lộ trình cắt giảm thuế theo các cam kết.

II. TÌNH HÌNH KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2017/QH14

Thực hiện phương châm hành động năm 2018 của Chính phủ “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”, ngay từ đầu năm Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 với các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể giao cho các bộ, ngành và địa phương xây dựng chương trình hành động và kế hoạch thực hiện, đồng thời chỉ đạo quyết liệt Bộ Tài chính tập trung thực hiện ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm. Nhờ đó, trong 9 tháng đầu năm 2018, các nhiệm vụ Quốc hội giao tại Nghị quyết số 55/2017/QH14 đã đạt được kết quả tích cực, cụ thể như sau:

1. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thuế, hải quan:

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/2/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 25/12/2017 về Kế hoạch cải cách hành chính của ngành tài chính năm 2018 và chỉ đạo cơ quan Thuế, Hải quan xây dựng Kế hoạch Cải cách hành chính thuế, hải quan làm căn cứ triển khai thực hiện.

a) Về thể chế, chính sách

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Tài chính đã:

+ Trình Chính phủ ban hành 04 Nghị định và 03 Quyết định gồm: Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015; Nghị định số 84/2018/NĐ-CP ngày 28/5/2018 tạm ngưng hiệu lực thi hành đối với một số nội dung quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày

10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ qui định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 sửa đổi Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 20/2018/ QĐ-TTg ngày 26/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thực hiện tiêu hủy thuốc lá ngoại nhập lậu bị tịch thu là thuốc lá giả, thuốc lá không đảm bảo chất lượng và thí điểm bán đấu giá thuốc lá ngoại nhập lậu bị tịch thu đảm bảo chất lượng để xuất khẩu ra nước ngoài; Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 thay thế Quyết định số 74/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện quy định Đại lý giám sát hải quan thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc.

- Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền 06 Thông tư liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính: Thông tư số 05/2018/TT-BTC ngày 22/01/2018 hướng dẫn thí điểm về khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy; Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC; Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 về các chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện qua cửa khẩu đường không, đường biển, đường sắt, đường bộ và cửa khẩu đường sông theo quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ; Thông tư số 728/2018/TT-BTC ngày 15/6/2018 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.

- Tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan như cơ chế chính sách thuế, đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế, quyết toán thuế, mẫu tờ khai,... quy định tại các văn bản Thông tư, của Bộ Tài chính như Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 về hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 về hướng dẫn thuế tài nguyên, Thông tư hướng dẫn Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ... nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, phục vụ cho tái thiết kế quy trình nghiệp vụ.

- Rà soát số lượng điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của cơ quan Thuế, Hải quan. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 50% điều kiện đầu tư kinh doanh theo tinh thần của Nghị quyết số

01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

- Ngoài ra, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) để trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội Khóa XIV; đồng thời, dự thảo Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (*đang tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*).

b) Về Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, trong đó giao nhiệm vụ Bộ Tài chính đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ. Bộ Tài chính đã chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan triển khai thực hiện các dự án ứng dụng CNTT nhằm đổi mới hoạt động quản lý của ngành, thực hiện được các mục tiêu Chính phủ giao. Kết quả cụ thể như sau:

* Lĩnh vực thuế

- *Về khai thuế điện tử*: Hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% Chi cục Thuế trực thuộc. Tính đến 20/9/2018, số doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử đạt 99,92% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động; số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận là trên 54,3 triệu hồ sơ.

- *Về nộp thuế điện tử*: Cơ quan thuế đã hoàn thành kết nối nộp thuế điện tử với 47 ngân hàng thương mại; có 63/63 Cục Thuế đã triển khai dịch vụ Nộp thuế điện tử và tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ.

Tính đến 20/9/2018, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử với cơ quan thuế đạt tỷ lệ 97,8% trên số doanh nghiệp đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng đạt tỷ lệ 95,9% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, với số tiền đã nộp NSNN từ 01/01/2018 đến 20/9/2018 đạt 414.498 tỷ đồng với hơn 2,35 triệu giao dịch nộp thuế điện tử.

- *Về hoàn thuế điện tử*: Hệ thống đã triển khai cung cấp dịch vụ hoàn thuế điện tử cho người nộp thuế tại 63/63 tỉnh. Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 20/9/2018 tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 6.055 trên tổng số 6.827 doanh nghiệp hoàn thuế đạt tỷ lệ 88,69%; số hồ sơ tiếp nhận là 14.990 hồ sơ trên tổng số 16.125 hồ sơ đạt tỷ lệ 92,96%; tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 11.234 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là 59.074 tỷ đồng.

- *Về thí điểm triển khai hóa đơn điện tử*: Tổ chức hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại TP.Hà Nội

và TP.Hồ Chí Minh, tính từ thời điểm triển khai tháng 9/2015 đến tháng 9/2018 có 252 doanh nghiệp thực hiện xuất hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế với hơn 6,97 triệu hóa đơn đã được xác thực, tổng doanh thu xác thực là hơn 77.317 tỷ đồng.

- Về khai thuế theo phương thức điện tử đối với hoạt động cho thuê nhà, chuyển nhượng bất động sản của người nộp thuế không phải là doanh nghiệp:

Đã thực hiện triển khai thí điểm tại 20 Cục Thuế và các Chi cục thuế trực thuộc.

+ Về khai thuế điện tử: Từ ngày 01/01/2018 tính đến hết tháng 9/2018 đã có 69.334 tờ khai đã gửi đến cơ quan thuế, với tổng số tài khoản đã đăng ký với cơ quan thuế là 12.050 tài khoản.

+ Về nộp thuế điện tử: đã kết nối dữ liệu thành công với 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng Vietcombank, Ngân hàng VietinBank, Ngân hàng Agribank).

- Về thí điểm khai, nộp thuế điện tử lệ phí trước bạ (LPTB) đối với ô tô, xe máy:

Đã hoàn thiện xây dựng ứng dụng quản lý LPTB, thực hiện kết nối giữa Tổng cục Thuế với Cục Cảnh sát giao thông; giữa Tổng cục Thuế và Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Tiếp tục triển khai thí điểm, dần dần mở rộng thực hiện nộp thuế điện tử đối với cá nhân kinh doanh thông qua tổ chức nhận ủy nhiệm thu thuế (UNTT):

Đến nay, đã có 147 Chi cục Thuế thuộc 14 Cục Thuế các tỉnh, thành phố: Hà Nội; Hồ Chí Minh; Đà Nẵng; Lào Cai; Bắc Ninh; Hải Dương; Đồng Nai; Tây Ninh; Đắk Lắk; Bình Thuận; Bình Định; Nghệ An; Bạc Liêu; Thừa Thiên Huế tham gia thí điểm UNTT đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán.

Nhờ tập trung triển khai quyết liệt và hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ, đến nay, cơ quan Thuế tiếp tục duy trì kết quả đạt được về thời gian nộp thuế còn 117 giờ/năm. Kết quả cải cách đã được Ngân hàng Thế giới ghi nhận tại Báo cáo môi trường kinh doanh 2018 với kết quả xếp hạng Chỉ số Nộp thuế chung của Việt Nam tăng 81 bậc, lên xếp vị trí 86/190 quốc gia và vùng lãnh thổ, đứng thứ 4 trong nhóm các nước ASEAN. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện, Chỉ số hài lòng của doanh nghiệp đối với CCHC Thuế năm 2016 là 75/100 điểm (so với năm 2014 là 71/100 điểm). Đánh giá về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) 2018 do Hội đồng tư vấn CCHC của Chính phủ thực hiện, chi phí tuân thủ trung bình về thực hiện TTHC thuế đứng thứ 1 trong 8 nhóm TTHC được đưa vào đánh giá với mức chi phí thấp nhất.

- Bên cạnh kết quả đã đạt được nêu trên, công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế hiện nay còn một số tồn tại như:

+ Về giải quyết thủ tục hành chính, phản ánh, kiến nghị, vướng mắc về pháp luật thuế cho doanh nghiệp và người dân còn trường hợp chậm thời gian so với quy định, hướng dẫn áp dụng các quy định của Luật thuế đôi lúc còn chưa thống nhất.

+ Số lượng thủ tục hành chính về thuế tuy đã cắt giảm song vẫn còn nhiều và tại một số thủ tục còn phức tạp làm ảnh hưởng đến chi phí của người nộp thuế.

+ Việc phối hợp, kết nối trao đổi thông tin giữa các Bộ, ngành, đặc biệt là các địa phương còn hạn chế do cơ sở vật chất, hạ tầng chưa đồng bộ, thống nhất.

+ Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của một số cán bộ thuế chưa cao và tình trạng gây nhiễu, phiền hà trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp còn xảy ra...

- Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới:

Từ nay đến cuối năm 2018 và một số năm tiếp theo, Bộ Tài chính đẩy mạnh công tác CCHC trong lĩnh vực thuế thông qua việc tiếp tục thực hiện các giải pháp dưới đây:

+ Cải cách về thể chế chính sách: Nghiên cứu, tổng hợp các vướng mắc, tồn tại về cơ chế chính sách hiện nay để kiến nghị sửa đổi thể chế chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và phù hợp thông lệ quốc tế. Trong đó, tập trung nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Quản lý thuế; và xây dựng các Thông tư theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của Bộ Tài chính.

Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách quản lý thuế giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2710/QĐ-BTC ngày 20/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Kế hoạch cải cách quản lý thuế trung hạn (giai đoạn 2016-2018) và Kế hoạch cải cách quản lý thuế năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 2541/QĐ-TCT ngày 26/12/2016 và Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 27/02/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

+ Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, hỗ trợ cho người nộp thuế về chính sách, pháp luật thuế, trong đó có việc tổ chức các hội nghị đối thoại với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Chỉ đạo toàn hệ thống thuế triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản quy định của trung ương, ngành, địa phương về công tác tiếp dân, nhận và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân tại cơ quan thuế các cấp; hạn chế tối đa việc đơn thư khiếu nại kéo dài, khiếu nại đông người; phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo 100% hồ sơ khiếu nại được giải quyết đúng thời hạn theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

+ Xây dựng các quy định của Bộ Tài chính về việc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế; quy trình, nghiệp vụ về quản lý rủi ro theo các bộ tiêu chí và chỉ số đánh giá; Hoàn thiện nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, đảm bảo tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử theo quy định.

+ Hoàn thiện tổ chức bộ máy ngành thuế từ Trung ương đến địa phương theo Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thuế; Tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi những nhiều, gây cản trở cho tổ chức, cá nhân khi thi hành công vụ.

+ Tiếp tục thực hiện triển khai dịch vụ về kê khai, nộp thuế điện tử; hoàn thuế điện tử; hóa đơn điện tử; nộp thuế đối với đất đai, hộ cá nhân điện tử ... theo mục tiêu của Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết số 36a/CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ đã giao.

* Lĩnh vực hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) tiếp tục tập trung tiến hành triển khai nâng cấp các hệ thống CNTT đáp ứng Thông tư 39/2018/TT-BTC và Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018, cụ thể:

Từ ngày 05/6/2018, triển khai chính thức các hệ thống: Ecustoms5; hệ thống gia công, sản xuất xuất khẩu và hệ thống quản lý hải quan tự động.

Đồng thời đẩy mạnh triển khai mở rộng Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng, kho, bãi (VASSCM) trên phạm vi toàn quốc theo kế hoạch đã ban hành. Đến nay đã triển khai tại 07 Cục Hải quan tỉnh, thành phố với 17 Chi Cục, 86 doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng.

Triển khai mạnh mẽ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Đến tháng 9/2018, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã triển khai cung cấp DVCTT đối với 183 TTHC (trong đó số lượng TTHC được cung cấp DVCTT tối thiểu mức độ 3 là 173/183 TTHC (đạt trên 94,5%), trong đó, có 164 TTHC được cung cấp DVCTT mức độ 4.

Ngoài các dịch vụ hành chính công trực tuyến, các dịch vụ công trực tuyến khác cũng được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử Hải quan, trong đó có các dịch vụ gắn liền với việc thực hiện thủ tục hải quan như tra cứu và xác định mã số hàng hóa, thuế suất; đăng ký sử dụng chữ ký số, tài khoản tham gia thủ tục hải quan điện tử; tra cứu thông tin nộp thuế, nợ thuế; in danh sách mã vạch phục vụ hệ thống giám sát hải quan.

Tuy nhiên trong lĩnh vực hải quan vẫn còn một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc như: Một số công tác quản lý có mức độ tự động hóa chưa cao; chưa có cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc triển khai chính thức các hệ thống CNTT theo phương thức quản lý mới; cơ sở pháp lý về DVCTT chưa có quy định đầy đủ để cơ quan nhà nước sử dụng kết quả thực hiện TTHC dưới dạng chứng từ điện tử.

c) Triển khai Cơ chế một cửa Quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN

Với vai trò là Cơ quan thường trực của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã phối hợp với các Bộ, Ngành tích cực triển

khai các TTHC mới, mở rộng phạm vi, số lượng doanh nghiệp tham gia đối với các TTHC đã triển khai thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia đáp ứng mục tiêu và tiến độ nêu tại Nghị quyết 19-2017/NQ-CP, Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016-2020, cụ thể:

- *Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia*: Tính đến 15/9/2018, đã có 11 Bộ, ngành tham gia kết nối với 68 TTHC, trên 1,5 triệu bộ hồ sơ và trên 24 nghìn doanh nghiệp tham gia (*Riêng từ ngày 01/01-15/9/2018, số hồ sơ đạt trên 607 nghìn bộ với trên 5,8 nghìn doanh nghiệp tham gia*).

Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đang phối hợp với các Bộ thống nhất quy trình nghiệp vụ, chỉ tiêu thông tin, xây dựng hệ thống, đảm bảo cơ sở hạ tầng, kết nối kỹ thuật để triển khai các thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia trong năm 2018 (phần đầu triển khai 130 thủ tục hành chính mới trên Cơ chế một cửa quốc gia trong năm 2018 theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ).

Triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không: Đã triển khai 03 thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, kết nối trên 40 hãng hàng không quốc tế khai thác các chuyến bay chở hành khách và hàng hóa đến Việt Nam và xuất phát từ Việt Nam. Hiện đang triển khai nâng cấp mở rộng phiên bản điện văn hàng không và thử nghiệm kỹ thuật tiếp nhận thông tin Người đặt chỗ (PNR); đồng thời tiếp tục rà soát các vướng mắc kỹ thuật để khắc phục, nâng cấp hệ thống.

Triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển theo Nghị định 58/2017/NĐ-CP: Đến nay đã triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi thuộc 24 tỉnh, với 11 thủ tục hành chính liên quan đến tàu, thuyền; tại 08 cảng thủy nội địa thuộc tỉnh Long An với 02 TTHC liên quan đến tàu xuất, nhập cảnh tại cảng thủy nội địa.

Triển khai cơ chế một cửa ASEAN: Tiếp tục triển khai trao đổi chính thức Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D (C/O form D) với 04 nước: Indonesia, Malaysia, Singapore và Thái Lan (*kết quả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/8/2018 như sau: tổng số C/O form D do Việt Nam gửi đi: 19.502, tổng số C/O form D Việt Nam nhận được từ các nước ASEAN: 40.131*); đồng thời, tham gia trao đổi thử nghiệm C/O form D với 03 nước: Brunei, Campuchia, Phillipines. Trong thời gian tới theo kế hoạch sẽ triển khai kết nối kỹ thuật thử nghiệm trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN, chứng nhận kiểm dịch thực vật (ePhyto), chứng nhận kiểm dịch động vật (e-AH).

Tồn tại, khó khăn, vướng mắc:

Số lượng thủ tục triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia còn thấp so với yêu cầu (đạt 53/284 thủ tục); còn nhiều yêu cầu thông tin chứng từ dư thừa, chồng chéo giữa các cơ quan; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics, dịch vụ tài chính chưa kết nối đầy đủ với các cơ quan Chính phủ. Nguyên nhân do vẫn còn bất cập trong quy định về sử dụng hồ sơ, chứng từ điện tử như: Một số hồ sơ, chứng từ vẫn chưa được chấp nhận sử dụng dưới hình thức điện tử (ví dụ:

vận tải đơn đường biển, hộ chiếu...); các TTHC mới chỉ dừng lại ở tin học hóa quy trình thủ công.

2. Triển khai thực hiện các giải pháp để thu đúng, thu đủ, bảo đảm huy động đầy đủ nguồn thu cho ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu nhiệm vụ thu NSNN giai đoạn 2016-2020 và dự toán ngân sách năm 2018

- Tại Nghị quyết số 25/2016/QH14, Quốc hội đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu tổng thu NSNN cả giai đoạn 2016-2020 khoảng 6.864 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 1,65 lần so với giai đoạn 2011-2015; bảo đảm tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước không thấp hơn 23,5%GDP, trong đó từ thuế, phí, lệ phí khoảng 21%GDP; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 84-85% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Dự toán thu NSNN năm 2018 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 49/2017/QH14 là 1.319.200 ngàn tỷ đồng, trong đó: Số thu nội địa là 1.135,2 ngàn tỷ đồng (bao gồm: thu từ dầu thô là 35,9 ngàn tỷ đồng; thu nội địa không kể dầu thô là 1.099,3 ngàn tỷ đồng); Số thu cân đối từ hoạt động xuất - nhập khẩu là 179 nghìn tỷ đồng;

b) Giải pháp đã triển khai

* Để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN mà Quốc hội giao, bám sát chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính đã chỉ đạo các đơn vị tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp chống thất thu NSNN, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, tích cực triển khai các giải pháp đơn đốc thu hồi nợ đọng, tăng cường công tác hỗ trợ người nộp thuế... Cụ thể:

- Ngay từ đầu năm, căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước, Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước hàng năm, Bộ Tài chính đã yêu cầu Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, trên cơ sở rà soát lại kết quả thực hiện thu năm trước và đánh giá lại toàn bộ các nguồn thu trên từng địa bàn theo từng khoản thu, sắc thuế để giao chỉ tiêu phấn đấu thu cho các Cục Thuế, Cục Hải quan, chỉ đạo các Cục Thuế, Cục Hải quan tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu NSNN ngay từ đầu năm theo mức phấn đấu cao nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu NSNN và NSTW.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan như: Bộ Công thương, Ngân hàng nhà nước... để kiểm tra, rà soát, thông tin từ đại hội cổ đông, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2015, 2016 và phương án tạm ứng cổ tức năm 2017 của các công ty cổ phần, ngân hàng thương mại có vốn góp của Nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ trích quỹ năm 2016, lợi nhuận sau thuế TNDN phải nộp NSNN trong các quý trong năm 2017 của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 về hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Quốc phòng, Bộ

Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên - Môi trường...) rà soát để thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu có điều tiết về NSNN như: thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu tiền sử dụng đất của Bộ Quốc phòng, thu từ lệ phí lãnh sự của Bộ Ngoại giao, các khoản phí, lệ phí khác... để kịp thời đôn đốc nộp các khoản thu này vào NSNN.

- Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo điều hành công tác quản lý thu NSNN, tiếp tục duy trì Ban chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách, tạo sức mạnh chính trị tổng hợp trong công tác thu NSNN; chỉ đạo các cơ quan, ban ngành tại địa phương như: cơ quan kế hoạch và đầu tư, công an, tòa án, ngân hàng, cơ quan tài chính, hải quan, kho bạc, phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế trong công tác quản lý người nộp thuế, xử lý thu hồi nợ thuế và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế;... thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Ban hành Kế hoạch thanh tra, Kế hoạch kiểm tra nội bộ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công tác kiểm tra sau thông quan, kiểm tra chặt chẽ hoạt động tạm nhập, tái xuất xử lý nghiêm hành vi trốn thuế, gian lận. Phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp ngay từ khâu đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư đến xuất bán hàng hóa, sản phẩm để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống chuyển giá.

- Đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại:

- Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới...

+ Tăng cường tham mưu chỉ đạo lực lượng kiểm soát hải quan thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo 389 Quốc gia về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Ban hành các kế hoạch về: triển khai công tác kiểm soát Hải quan năm 2018; tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới mặt hàng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng; kiểm soát phòng chống ma túy và quản lý tiền chất giai đoạn 2018-2020... ; Duy trì triển khai hoạt động trực ban, giám sát trực tuyến trong toàn ngành Hải quan; kết nối hệ thống camera giám sát tại phòng giám sát trực tuyến tới các cửa khẩu đảm bảo công tác giám sát, thường xuyên, liên tục 24/7.

+ Chủ động xây dựng kế hoạch, xác lập một số chuyên án, bắt giữ, xử lý thành công nhiều vụ việc, giải quyết dứt điểm nhiều hiện tượng buôn lậu nóng, nổi cộm tại địa bàn quản lý.

+ Đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong nước và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống buôn lậu, đảm bảo xây dựng và hình thành được cơ chế hợp tác, trao đổi, chia sẻ thông tin chặt chẽ, thông tin sớm, đồng bộ, từ trong Ngành đến

ngoài Ngành, từ trong nước đến quốc tế phục vụ hỗ trợ đắc lực, kịp thời, hiệu quả công tác nghiệp vụ.

- Rà soát, đổi mới công tác thu thuế đối với hộ kinh doanh: Tổng cục Thuế đã tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai chống thất thu đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh và Hộ kinh doanh; chấn chỉnh công tác quản lý khoán thuế đối với cơ sở kinh doanh; công tác bán, cấp hoá đơn lẻ đối với Hộ kinh doanh tại các Chi cục Thuế. Xác định rõ nhóm đối tượng rủi ro cần tập trung kiểm tra, khảo sát để điều chỉnh doanh thu ấn định thuế.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý nợ thuế:

+ Kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho người nộp thuế trong sản xuất kinh doanh, giải quyết kịp thời các khoản nợ xấu, xử lý nợ tiền chậm nộp cho các doanh nghiệp gặp khó khăn khách quan, tạo điều kiện cho người nộp thuế đẩy mạnh sản xuất kinh doanh hiệu quả từ đó giảm nợ đọng thuế.

+ Rà soát, phân loại chính xác các khoản tiền thuế nợ để có biện pháp đơn đốc thu hồi nợ phù hợp.

+ Đối với các khoản nợ có khả năng thu hồi, cơ quan thuế tiếp tục thực hiện các biện pháp đơn đốc thu nợ, kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ theo đúng Luật Quản lý thuế để thu hồi nợ đọng thuế, đồng thời đẩy mạnh công tác công khai thông tin người nộp thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng...

+ Kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế và công khai thông tin nợ thuế đối với những người nộp thuế không nộp thuế đúng thời hạn quy định của Luật Quản lý thuế. Những người nộp thuế có hành vi cố tình chây ì, bỏ trốn, tẩu tán tài sản, cơ quan thuế áp dụng ngay các biện pháp cưỡng chế như: trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên, thu hồi giấy đăng ký kinh doanh; đồng thời kết hợp với việc công khai thông tin nợ thuế lên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác đơn đốc thu hồi nợ thuế: phối hợp với UBND các cấp, các ngành như Công an, Kế hoạch đầu tư, KBNN, Ngân hàng...thành lập các tổ liên ngành thu hồi nợ thuế. Kêu gọi sự vào cuộc của các cấp chính quyền, các cơ quan ban ngành trong công tác thu nợ thuế góp phần giảm số thuế nợ đọng, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

+ Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý nợ thuế thuế, cưỡng chế nợ, gia hạn, không tính tiền chậm nộp, nộp dần tiền thuế nợ, xóa nợ thuế, khoan nợ thuế, xử lý nợ thuế trong Luật Quản lý thuế để phù hợp với thực tế phát sinh và theo thông lệ quốc tế, quản lý hiệu quả số tiền nợ thuế. Xây dựng Nghị quyết xử lý nợ thuế không còn khả năng thu ngân sách của người nộp thuế đã giải thể, phá sản, không còn hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, điện tử hoá hệ thống quy trình nghiệp vụ quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ từ khâu ban hành

thông báo nợ và quyết định cưỡng chế nợ, phân công, phân loại nợ đầy đủ, chính xác để tăng cường hiệu quả việc quản lý nợ thuế.

c) Kết quả đạt được như sau

* Tổng thu NSNN thực hiện tháng 9 ước đạt 86,2 nghìn tỷ đồng (đã trừ tiền hoàn thuế GTGT 8,02 nghìn tỷ). Lũy kế thu 9 tháng ước đạt 962,5 nghìn tỷ đồng (đã trừ tiền hoàn thuế GTGT 76,15 nghìn tỷ), bằng 73 % dự toán, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

- Thu nội địa: Tháng 9 ước đạt 64,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế thu 9 tháng đạt 763,6 nghìn tỷ đồng, bằng 69,5% dự toán, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2017. Không kể các khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp nhà nước, số thu nội địa ước đạt 588,1 nghìn tỷ đồng, bằng 67,8 % dự toán, tăng 13% so cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ dầu thô: Tháng 9 ước đạt 6,5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng thu ước đạt 48,1 nghìn tỷ đồng, bằng 134% dự toán, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2017, trên cơ sở sản lượng dầu thanh toán đạt 1,1 triệu tấn, giá dầu thanh toán bình quân đạt 80 USD/thùng, tăng 30 USD/thùng so với giá dự toán.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Tháng 9 ước đạt 21,5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế thu 9 tháng ước đạt 223 nghìn tỷ đồng, bằng 78,8% dự toán, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu viện trợ: Tháng 9 đạt 1,7 nghìn tỷ, ước 9 tháng 3,88 nghìn tỷ.

* Công tác thanh tra, kiểm tra

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, toàn ngành thuế đã thực hiện 58.862 cuộc thanh tra, kiểm tra, với tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 10.392 tỷ đồng; giảm khấu trừ 952 tỷ đồng; giảm lỗ 16.345 tỷ đồng; tổng số tiền thuế nộp vào ngân sách là 5.811 tỷ đồng.

+ Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra được 310 doanh nghiệp có hoạt động giao dịch liên kết; truy thu, truy hoàn và phạt 940 tỷ đồng; giảm lỗ 3.491 tỷ đồng; giảm khấu trừ 13 tỷ đồng và điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế 3.359 tỷ đồng.

+ Kết quả thanh tra, kiểm tra hoàn thuế GTGT 9 tháng đầu năm 2018: toàn ngành thuế đã thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế GTGT với tổng số là 4.470 quyết định, tương ứng với số tiền hoàn là: 25.943 tỷ đồng. Số tiền truy hoàn và phạt là: 860 tỷ đồng, trong đó: truy hoàn là 788 tỷ đồng, phạt là 72 tỷ đồng).

- Tính đến 15/9/2018, toàn ngành hải quan đã tiến hành 232 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, trong đó thanh tra chuyên ngành 87 cuộc; kiểm tra nội bộ 145 cuộc. Qua công tác thanh tra chuyên ngành đã yêu cầu truy thu và xử phạt hơn 173 tỷ đồng.

Từ 01/01 đến 15/9/2018, toàn ngành Hải quan đã thực hiện kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) 5.537 cuộc, trong đó có 810 cuộc tại trụ sở người khai hải quan (đạt 63% chỉ tiêu năm 2018, tăng 2% so với cùng kỳ 2017), 4.727 cuộc tại

trụ sở cơ quan hải quan. Tổng số tiền ấn định thuế và xử phạt vi phạm hành chính là: 1.625,9 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ 2017), đã thực thu vào NSNN số tiền (bao gồm thu cả các cuộc năm 2017) là 1.563,2 tỷ đồng (đạt 70% chỉ tiêu năm 2018 là 2.235 tỷ, tăng 15% so với cùng kỳ 2017).

- *Tồn tại, khó khăn, vướng mắc:* (i) Chính sách về mặt hàng có sự thay đổi theo thời gian (nhiều văn bản quy phạm pháp luật, thời gian áp dụng khác nhau dẫn đến việc đánh giá thông tin gặp nhiều khó khăn; (ii) Một số quy định pháp luật còn phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau nên việc xử lý kết quả KTSTQ gặp vướng mắc; (iii) Công tác thu hồi nợ đọng chưa đạt so với chỉ tiêu là do: số nợ lớn từ năm 2008, 2009 chuyển sang (chiếm gần 50% chỉ tiêu) khó đòi do doanh nghiệp đang khiếu kiện, khiếu nại hoặc chuyển sang các hoạt động khác không còn thực hiện XNK hàng hóa nên việc thu đòi nợ đọng rất khó khăn.

* Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại

- *Kết quả:* Từ 16/12/2017 đến 31/8/2018, toàn ngành Hải quan đã chủ trì, phối hợp, phát hiện, bắt giữ, tổng số 12.069 vụ việc vi phạm trong lĩnh vực hải quan; thu NSNN đạt 240 tỷ đồng. Cơ quan Hải quan đã ban hành 48 quyết định khởi tố, chuyển cơ quan khác khởi tố 68 vụ.

Tồn tại, khó khăn, vướng mắc: (i) Một số quy định của pháp luật về hoạt động thương mại, về thủ tục hàng hóa tạm nhập - tái xuất, trung chuyển, chuyển khẩu chưa ràng buộc được trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp; chưa quy được trách nhiệm pháp lý với đối tượng kinh doanh kho bãi, bốc xếp, người vận chuyển, không xử lý được chủ thể vi phạm là người nước ngoài...; (ii) Thẩm quyền điều tra theo thủ tục tố tụng hình sự của cơ quan Hải quan còn bị hạn chế. Công tác phối hợp với các lực lượng chức năng tại địa bàn, một số nơi còn mang tính cục bộ; ...

* Tình hình nợ thuế

- Tổng số tiền thuế nợ của Tổng cục Thuế tính đến thời điểm 30/9/2018 là 82.961 tỷ đồng, tăng 13,4% so với thời điểm 31/12/2017. Trong đó, tiền thuế nợ không có khả năng thu hồi (của NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, đã tự giải thể, phá sản, ngừng, nghỉ và bỏ địa chỉ kinh doanh) là 34.942 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 42,1% tổng số tiền thuế nợ tăng 11% so với thời điểm 31/12/2017.

Số thuế nợ đọng không có khả năng thu hồi nói trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Một số người nộp thuế trong quá trình tham gia kinh doanh được pháp luật coi là đã bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, không thanh toán được nợ thuế, không xác minh được tài sản của người nộp thuế còn tài sản hay không, không xác minh được quyền thừa kế tài sản, phân chia tài sản của người chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự theo đúng quy định của pháp luật dân sự, do đó cơ quan thuế không thực hiện được việc thu nợ cũng như xóa nợ theo quy định tại Luật Quản lý thuế. Tính đến 31/12/2017, có 1.818 người nộp thuế được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự với tổng số tiền thuế nợ là 247,5 tỷ đồng.

+ Một số người nộp thuế tham gia hoạt động kinh doanh do nguồn vốn mỏng, chủ yếu là vốn vay ngân hàng, khi tình hình kinh tế gặp khó khăn, kinh doanh thua lỗ, mất khả năng thanh toán và chấm dứt hoạt động kinh doanh, tự giải thể, phá sản, bỏ khỏi địa chỉ đăng ký kinh doanh, không làm thủ tục giải thể, phá sản theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Phá sản, cơ quan thuế đã cưỡng chế đến biện pháp cuối cùng là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng vẫn không thu hồi được nợ thuế. Tính đến 31/12/2017 có 15.072 người nộp thuế với số tiền thuế còn nợ là 2.178 tỷ đồng đã tự giải thể, phá sản không thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; Có 620.069 người nộp thuế (153.438 DN, 466.631 hộ gia đình, cá nhân) với số tiền thuế còn nợ là 21.824 tỷ đồng (DN 19.644 tỷ; hộ gia đình, cá nhân 2.180 tỷ) bỏ địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế. Số nợ này hàng ngày bị tính thêm tiền chậm nộp 0,03%/ngày.

+ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 106 của Luật Quản lý thuế thì người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định thì bị tính tiền chậm nộp 0,03%/ngày, kể cả người nộp thuế thực tế không còn đối tượng để thu, đã được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, không còn pháp nhân, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Dẫn đến tiền phạt và tiền chậm nộp của nhóm đối tượng không có khả năng thu đến 31/12/2017 tăng lên đến 12.273 tỷ đồng, số nợ này theo dõi trên sổ sách của cơ quan thuế, nhưng là nợ ảo, tạo áp lực về chi phí, nhân lực cho cơ quan thuế trong việc theo dõi quản lý nợ thuế.

+ Luật Quản lý thuế được xây dựng từ cách đây hơn 10 năm, do vậy chưa bao quát hết được các trường hợp không tính tiền chậm nộp, xóa nợ trong thực tiễn đã xảy ra. Tuy nhiên, bốn trường hợp xóa nợ này đến nay không bao quát được hết tình hình thực tiễn diễn ra từ đối tượng, phạm vi xử lý, chưa xử lý được tồn tại về nợ thuế không thể thu hồi được phát sinh do những nguyên nhân bất khả kháng cũng như chưa phản ánh hết công tác quản lý nợ thuế. Cụ thể:

. Tính đến 31/12/2017 có 7.500 tỷ đồng tiền thuế nợ tồn tại trên 10 năm hiện nay vẫn đang treo, không thể xóa được do không đáp ứng được điều kiện đã “áp dụng tất cả 7 biện pháp cưỡng chế” vì: doanh nghiệp đã được cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước khi cơ quan thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế; trước khi Luật quản lý thuế có hiệu lực (1/7/2007), doanh nghiệp được phép tự giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, tổ chức lại mà không cần xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của cơ quan có thẩm quyền, dẫn đến không còn đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định.

. Luật quản lý thuế chỉ quy định xóa cho hộ gia đình, cá nhân và DN đã giao, bán, giải thể, hoàn thành cổ phần hóa, có các khoản tiền thuế nợ phát sinh trước ngày 01/7/2007. Chưa có quy định xóa nợ cho hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, các loại hình doanh nghiệp, tổ chức khác gặp khó khăn, đã chấm dứt hoạt động kinh doanh nhưng nợ thuế trước 1/7/2007, cũng như nợ thuế của các DN, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân từ 1/7/2007 đến nay không có khả năng thu

hồi. Quy định xóa nợ đối với trường hợp chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản để nộp tiền thuế hiện hành cũng chỉ cho phép xóa nợ đối với cá nhân, không có quy định xóa nợ cho người nộp thuế là chủ doanh nghiệp tư nhân đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự.

. Luật quản lý thuế chưa có quy định xóa nợ khoản tiền thuế đất việc xóa nợ đối với tiền thuế đất được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai, tuy nhiên theo quy định của Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thì không có quy định xóa nợ tiền thuế đất. Do đó, hiện nay tồn tại nhiều trường hợp doanh nghiệp bị phá sản đã xóa các khoản nợ thuế theo Luật Quản lý thuế, tuy nhiên khoản nợ tiền thuế đất không thuộc đối tượng xóa nợ vẫn đang còn tồn tại.

Kết quả thu hồi tiền thuế nợ: đến thời điểm 30/9/2018, cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ và đã thu được 25.382 tỷ đồng tiền thuế nợ. Trong đó: thu bằng biện pháp quản lý nợ là 17.079 tỷ đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 8.303 tỷ đồng.

- Tình hình nợ thuế của Tổng cục Hải quan:

Tổng số tiền nợ thuế của Tổng cục Hải quan tính đến thời điểm 31/8/2018 là: 5.165 tỷ đồng, trong đó: nợ khó thu là: 3.791 tỷ đồng; nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, gia hạn là: 105,66 tỷ đồng; nợ có khả năng thu là: 1.268,6 tỷ đồng. Như vậy, so với năm 2017 thì số nợ 8 tháng đầu năm đã giảm 133,5 tỷ đồng (tương đương giảm 2,52%) so với thời điểm 31/12/2017.

+ *Kết quả đôn đốc thu hồi và xử lý nợ:* Tính đến nay, số nợ đã thu hồi và xử lý là 831,97 tỷ đồng. Trong đó, số thu hồi và xử lý nợ theo Quyết định 866/QĐ-TCHQ ngày 23/3/2018 là: 326,09 tỷ đồng.

+ *Tồn tại, khó khăn, vướng mắc:* Công tác thu đòi nợ đọng gặp nhiều khó khăn do doanh nghiệp chậm nộp, không nộp thuế hoặc có dấu hiệu trốn thuế, không hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc thu hồi nợ đọng...

* *Đổi mới công tác thu thuế đối với hộ kinh doanh*

Tổng số thuế tăng thêm qua kiểm tra là 9.039,2 tỷ đồng (DN là: 9.007,3 tỷ đồng; hộ kinh doanh là: 31,8 tỷ đồng). Việc điều chỉnh doanh thu kinh doanh của các đối tượng thuộc diện kiểm tra tăng thêm từ 2 lần đến 15 lần đối với doanh nghiệp; điều chỉnh doanh thu khoán của hộ kinh doanh trong thời gian còn lại của năm 2017 từ 2 lần đến 10 lần. Một số địa phương có tổng số thuế tăng thêm sau kiểm tra cao như: TP. Hồ Chí Minh (4.001,1 tỷ đồng); Tp. Hà Nội (3.473,8 tỷ đồng); Quảng Ninh (279,1 tỷ đồng); Hải Phòng (203,3 tỷ đồng); Đà Nẵng (164,6 tỷ đồng); Bắc Ninh (132,7 tỷ đồng).....

Trong năm 2017, cơ quan thuế đã triển khai rà soát các cá nhân kinh doanh qua mạng xã hội nhưng chưa kê khai, nộp thuế. Cụ thể: Tại Hà Nội đã rà soát, thu thập cơ sở dữ liệu của 13.422 chủ tài khoản trên mạng xã hội có hoạt động quảng cáo, bán hàng qua mạng, trong đó 1.950 cá nhân đã đăng ký và được cấp mã số thuế để kê khai, nộp thuế. Tại TP. Hồ Chí Minh đã gửi 13.145 giấy mời trên 15.297 trang web và tài khoản facebook do cơ quan thuế thu thập

được tới các tổ chức, cá nhân có kinh doanh thương mại điện tử. Tại Đà Nẵng cũng đã rà soát có 11.072 chủ tài khoản, Khánh Hòa có 6.729 chủ tài khoản, Nghệ An có 3.545 chủ tài khoản trên mạng xã hội có hoạt động quảng cáo, bán hàng qua mạng. Cơ quan thuế cũng thực hiện nhiều giải pháp khác như gửi tin nhắn trên hệ thống SMS đến các chủ tài khoản được xác định là chưa đăng ký thuế, hướng dẫn truy cập trang thông tin của cơ quan thuế; thực hiện thu thập dữ liệu và chuyển cho các phòng kiểm tra thuộc Cục Thuế.

Trường hợp điển hình tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử lý truy thu và phạt hơn 9 tỷ đồng đối với 01 cá nhân, tại tỉnh Quảng Nam đã xử lý truy thu và phạt 1,7 tỷ đồng đối với 01 cá nhân kinh doanh qua mạng facebook nhưng không kê khai đầy đủ doanh thu kinh doanh.

Ngoài ra trong năm 2018, các Cục Thuế thực hiện triển khai rà soát, đôn đốc các cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ, phần mềm xuyên biên giới, có phát sinh thu nhập từ các trang mạng xã hội Google, Facebook, Youtube...chưa thực hiện kê khai, nộp thuế. Trường hợp điển hình tại Thành phố Hồ Chí Minh đã truy thu, phạt hơn 4 tỷ đồng đối với 01 cá nhân và 01 cá nhân đã nộp khoảng hơn 1,1 tỷ đồng tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam.

Giải pháp trong thời gian tới:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu riêng về hộ kinh doanh của từng địa phương. Đồng thời thực hiện cập nhật thông tin quản lý rủi ro về hộ kinh doanh vào Hệ thống quản lý thuế tập trung của ngành Thuế (Hệ thống TMS) theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC để phục vụ cho công tác xây dựng doanh thu và mức thuế khoán đối với hộ kinh doanh. Từ đó dễ dàng kết nối với cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế, làm tiền đề cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro đối với hộ kinh doanh tập trung tại Tổng cục Thuế trong thời gian tới.

- Về quản lý hóa đơn đối với hộ, cá nhân kinh doanh:

Hướng dẫn, triển khai các nội dung quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh như sau: (i) Hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện sổ sách kế toán, sử dụng thương xuyên từ 10 lao động trở lên và có doanh thu năm trước liền kề từ ba (03) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng hoặc có doanh thu năm trước liền kề từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; (ii) Hộ, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, bán lẻ thuốc tân dược, bán lẻ hàng tiêu dùng, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng áp dụng hóa đơn điện tử tại một số địa bàn có điều kiện thuận lợi thì triển khai thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.; (iii) Hộ, cá nhân kinh doanh không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng hoặc trường hợp doanh nghiệp,

tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh để giao cho khách hàng thì được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh và phải khai, nộp thuế trước khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh; (iv) Cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử không thu tiền đối với hộ, cá nhân kinh doanh và không thu tiền trong thời hạn 12 tháng đối với hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp kể từ khi thành lập doanh nghiệp và hộ kinh doanh lớn nêu trên. Quy định nêu trên tại Nghị định 119/2018/NĐ-CP đã đảm bảo:

- Kiểm soát kịp thời việc sử dụng hóa đơn của hộ kinh doanh như: kiểm soát ngay được doanh thu kinh doanh của người bán, kiểm soát chi phí đầu vào của người mua, ngăn chặn tuyệt đối hiện tượng lập hóa đơn giấy sai lệch nội dung giữa các liên.

- Cắt giảm chi phí về thủ tục hành chính vì không còn phải thực hiện các quy định về mua hóa đơn, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn; cũng như cắt giảm các chi phí về quản lý, sử dụng hóa đơn giấy như mất, hỏng, hủy hóa đơn giấy.

- Cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ thông tin doanh thu kinh doanh vào cơ sở dữ liệu về hộ kinh doanh để phục vụ cho công tác quản lý theo rủi ro đối với cả người mua và người bán.

- Tạo điều kiện để hộ kinh doanh xuất hóa đơn cho khách hàng một cách nhanh chóng, thuận tiện tại bất cứ địa điểm, thời gian nào chỉ cần có thiết bị kết nối internet. Qua đó ngăn chặn tình trạng người bán trì hoãn không xuất hóa đơn kịp thời cho người tiêu dùng đang diễn ra phổ biến hiện nay vì lý do chưa mua được hoá đơn giấy của cơ quan thuế.

- Nghiên cứu đề sửa đổi Luật Quản lý thuế (đang trình Quốc Hội để cho ý kiến) theo hướng: (i) Bổ sung quy định nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc, quan hệ công tác giữa cơ quan thuế và với hội đồng tư vấn thuế và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo tính pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm của Hội đồng tư vấn thuế trong việc tư vấn mức thuế khoán của hộ, cá nhân kinh doanh; (ii) Bổ sung hộ, cá nhân kinh doanh có quy mô đáp ứng mức cao nhất về tiêu chí doanh thu, lao động của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai, đồng thời với việc hộ cá nhân này phải thực hiện hóa đơn điện tử như nêu trên để quản lý thuế đối với hộ kinh doanh lớn, tránh thất thu do nộp thuế theo phương khoán như báo chí phản ánh trong thời gian qua.

* Tình hình xây dựng Nghị định về hóa đơn điện tử

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ký, ban hành Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện từ ngày Nghị định số 119/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế, hải quan

a) Các giải pháp đã triển khai

Bộ Tài chính đã bám sát các quy định, chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về việc sử dụng, quản lý công chức, viên chức và chỉ đạo, triển khai nhiều giải pháp tăng cường năng lực chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với đội ngũ công chức ngành thuế, hải quan. Cụ thể như sau:

- Ban hành Chỉ thị số 11-CT/BCSD ngày 03/4/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính chỉ đạo toàn ngành tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thi hành công vụ. Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ công chức nhằm đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trong tình hình mới:

+ Chỉ đạo ngành thuế, hải quan căn cứ hiện trạng cơ cấu, chất lượng đội ngũ công chức; yêu cầu của công tác quản lý thuế xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức thuế, hải quan phù hợp.

+ Xây dựng các chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thuế, hải quan theo hướng nội dung ngày càng mở rộng hơn, chuyên sâu hơn, thời lượng đào tạo từng chương trình cũng ngày càng tăng cường nhiều hơn, đã lồng ghép được kiến thức với quy trình quản lý, kết hợp với các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, học viên được thực hành và xử lý nhiều tình huống thực tế hơn, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng được yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ.

+ Triển khai kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức cho toàn ngành.

- Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức cho công chức, viên chức, đẩy mạnh học tập Nghị quyết Trung ương IV khoá XII gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phẩm chất đạo đức của công chức, viên chức, ưu tiên đào tạo cán bộ làm việc tại các chức năng quản lý thuế cơ bản và bộ phận thường xuyên tiếp xúc với người nộp thuế về nghiệp vụ, chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế mới ban hành... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong giai đoạn cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ.

- Xây dựng môi trường, phong cách làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại và hiệu quả.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công chức chấp hành nghiêm chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong thực thi công vụ, nhất là công chức tiếp xúc trực tiếp, thực hiện kiểm tra, làm việc với người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nhiều hình thức kiểm tra, giám sát công chức trong khi thi hành công vụ để phát hiện

kip thời trường hợp nhiều, tiêu cực như: tự kiểm tra giám sát thông qua cơ quan quản lý các cấp, kiểm tra nội bộ, thông tin phản ánh qua đường dây nóng, qua báo chí, phương tiện thông tin truyền thông...

- Xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp công chức, viên chức, người lao động vi phạm phải xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và theo các quy định tại văn bản pháp luật hiện hành; đồng thời xử lý theo Quyết định số 181-QĐ/TW ngày 30/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. Nhìn chung, việc xử lý nghiêm minh các cán bộ, công chức có hành vi vi phạm các quy định trong quản lý thuế, hải quan đặc biệt là có hành vi tiêu cực, những nhiều người nộp thuế; xử lý trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan thuế, hải quan các cấp khi để xảy ra vi phạm trong đơn vị do mình quản lý, phụ trách trực tiếp đã có tác dụng răn đe, hạn chế hành vi vi phạm các quy định trong quản lý thuế của công chức.

b) Kết quả đạt được

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức thuế, hải quan có nhiều tiến bộ, góp phần tích cực nâng cao năng lực của đội ngũ công chức, đặc biệt là việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tính chuyên sâu, chuyên nghiệp theo từng chức năng quản lý thuế đáp ứng yêu cầu triển khai Luật quản lý thuế, thúc đẩy quá trình cải cách và hiện đại hoá ngành thuế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành thuế, hải quan đã được triển khai toàn diện, với phạm vi rộng, quy mô lớn, số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng đã có bước tiến đáng kể qua các năm. Trung bình mỗi năm đào tạo, bồi dưỡng cho khoảng 8.900 lượt người và mỗi công chức/viên chức thuế, hải quan được đào tạo, bồi dưỡng 2 lần/năm.

- Công tác chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương công vụ và công tác xử lý kỷ luật: Nhìn chung, các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc việc tăng cường quản lý, đẩy mạnh công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ, không để xảy ra những vụ việc gây hậu quả và tác động tiêu cực do sự quan liêu trong quản lý, thiếu trách nhiệm, tắc trách, vô kỷ luật trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra công vụ, quản lý cán bộ; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những vi phạm và trách nhiệm của người đứng đầu để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân.

Nhờ đó số lượng công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật trong năm 2017 đã giảm so với cùng kỳ năm 2016 (năm 2016 là 176 trường hợp), cụ thể: Năm 2017, toàn ngành Thuế đã xử lý kỷ luật 165 trường hợp vi phạm (trong đó có 07 trường hợp bị kết án tù: 01 trường hợp do tàng trữ chất ma túy và 02 trường hợp do tham ô tài sản, 02 trường hợp do nhận hối lộ; 02 trường hợp do thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng); 09 trường hợp đang điều tra. Trong đó chủ yếu là vi phạm các quy định, quy trình quản lý thuế và thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ là 72/165 trường hợp; vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình (sinh con thứ 3, thứ 4) là 46/165 trường hợp.

Tổng cục Hải quan đã chủ động phát hiện và xử lý kiên quyết, nghiêm khắc (đến mức buộc thôi việc) các trường hợp vi phạm và xử lý trách nhiệm cán bộ Lãnh đạo các cấp liên quan khi để xảy ra tiêu cực, sai phạm trong đơn vị, lĩnh vực do mình quản lý, phụ trách, trong đó đã xử lý nghiêm các vụ việc tiêu cực như: xử lý trách nhiệm công chức liên quan trong vụ 213 container tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh; các công chức liên quan trong các vụ việc báo chí nêu tại Cục Hải quan Hải Phòng, Hà Nội; xử lý trách nhiệm người đứng đầu (cấp phó) trong xử lý công việc tại Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp...

Kết quả: Trong năm 2017, số công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật trong ngành Hải quan là 69 cán bộ; tính đến tháng 9/2018, có 58 trường hợp vi phạm, trong đó: 32 trường hợp bị xử lý khiển trách, 19 trường hợp xử lý cảnh cáo và 7 trường hợp buộc thôi việc.

c) Tồn tại, hạn chế

- Mặc dù đã triển khai nhiều biện pháp tăng cường quản lý công chức, tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong toàn ngành, xử lý nghiêm minh công tác vi phạm theo đúng quy định của pháp luật nhưng một số nơi vẫn còn xảy ra những tình trạng gây phiền hà, sách nhiễu đối với người nộp thuế, thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ hoặc cố ý vi phạm các quy định, quy trình về quản lý thuế nhất là đối với những lĩnh vực nhạy cảm như thanh tra, kiểm tra hoàn thuế...

d) Kiến nghị, giải pháp

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công chức ngành thuế, hải quan bảo đảm chuyên sâu, chuyên nghiệp, trong sạch, trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Tiếp tục công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ nhất là các nhiệm vụ liên quan đến quy trình, thủ tục, hồ sơ hành chính đối với người nộp thuế; chú trọng công tác bố trí công chức, viên chức có năng lực phù hợp với nhiệm vụ được giao; tăng cường kiểm tra, đánh giá công chức trong thực thi công vụ, kiên quyết xử lý nghiêm minh các sai phạm; kiên quyết đưa ra khỏi hệ thống những công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trình độ, thiếu ý thức trách nhiệm.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho công chức, viên chức thuế nhằm nâng cao nhận thức chính trị và trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ. Đẩy mạnh thực hiện “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Chú trọng việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phẩm chất đạo đức của công chức, viên chức, ưu tiên đào tạo công chức làm việc tại các chức năng quản lý thuế cơ bản và bộ phận thường xuyên tiếp xúc với người nộp thuế.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ để người nộp thuế hiểu biết và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế. Thực hiện tốt công tác thông tin báo chí, phối hợp thường xuyên, hiệu quả với các cơ quan truyền thông ở Trung ương và địa phương.

4. Công tác quản lý nợ công

a) Về triển khai thực hiện hiệu quả Luật Quản lý nợ công

Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 4 ngày 23/11/2017. Ngay sau khi Luật được thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 50/QĐ-TTg và Quyết định số 216/QĐ-TTg về danh mục các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý nợ công. Theo đó, có 07 Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý nợ công, trong đó Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo 06 Nghị định hướng dẫn Luật và Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì sửa đổi Nghị định số 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Đến nay, Chính phủ đã ký ban hành 07 Nghị định hướng dẫn Luật quản lý nợ công. Các Nghị định hướng dẫn Luật được xây dựng theo hướng tăng cường công vụ nghiệp vụ quản lý nợ công, quản lý chặt chẽ việc bảo lãnh của Chính phủ, vay về cho vay lại.

b) Về quản lý chặt chẽ nợ công, cơ cấu lại nợ công

Thực hiện các chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 07-NQ/TW về chủ trương cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; của Quốc hội tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020, Bộ Tài chính đã triển khai các nhóm giải pháp quản lý chặt chẽ nợ và cơ cấu lại nợ công:

- Chuyển đổi cơ cấu nợ Chính phủ theo hướng tăng tỷ trọng nợ trong nước, giảm tỷ trọng nợ nước ngoài để giảm rủi ro tỷ giá ngoại tệ, nhằm đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

- Thực hiện tái cơ cấu nợ Chính phủ trong nước theo hướng kéo dài kỳ hạn nợ, tập trung phát hành trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn dài trên 5 năm để giảm áp lực trả nợ trong ngắn hạn.

- Đa dạng hóa cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua các doanh nghiệp chứng khoán, bảo hiểm, quỹ hưu trí,... để giảm phụ thuộc vào ngân hàng thương mại.

- Đa dạng hóa hình thức huy động theo hướng phát hành trái phiếu Chính phủ dài hạn, hạn chế phát hành TPCP kỳ hạn ngắn, góp phần giảm rủi ro tái cấp vốn và tiết kiệm chi phí huy động cho NSNN.

- Trái phiếu hóa các khoản vay bảo hiểm Xã hội của NSNN theo hình thức hợp đồng vay sang phát hành trái phiếu Chính phủ để nhận nợ vốn Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

- Nâng tỷ trọng phát hành trái phiếu chính phủ cho ngân sách nhà nước vay Quỹ bảo hiểm xã hội từ 80% lên 95%, góp phần cải thiện danh mục nợ trong nước của Chính phủ.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trên, công tác quản lý nợ công và tái cơ cấu nợ công đã đạt được những kết quả cụ thể như: tỷ lệ dư nợ trong nước trên tổng dư nợ Chính phủ đến cuối năm 2017 tăng lên khoảng 60% (từ mức khoảng 40% năm 2011); kỳ hạn phát hành trái phiếu bình quân tăng từ 3,21 năm (năm 2013) lên 12,74 năm (năm 2017); kỳ hạn còn lại bình quân danh mục trái phiếu Chính phủ tăng từ 2,38 năm (năm 2013) lên 6,62 năm (năm 2017); trong năm 2017, tỷ trọng trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 10-30 năm phát hành trên thị trường chiếm hơn 70% tổng khối lượng phát hành; lãi suất phát hành bình quân trái phiếu Chính phủ là 5,98%/năm so với mức 12,01%/năm của năm 2011, qua đó góp phần triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, đảm bảo nợ công an toàn, bền vững.

c) Về tăng cường công cụ chủ động quản lý nợ công

Bám sát chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 07-NQ/TW, Bộ Tài chính đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chỉ tiêu an toàn nợ công trong giới hạn được Quốc hội quyết định:

- Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 25/2016/QH14 Ngày 9/11/2016 về kế hoạch tài chính 5 năm Quốc gia giai đoạn 2016-2020, trong đó phê duyệt các chủ trương lớn về huy động, quản lý sử dụng vốn vay nợ công và các mức trần nợ công theo báo cáo định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công giai đoạn 2016 – 2020;

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 544/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 phê duyệt chương trình quản lý nợ trung hạn 2016-2018 và Quyết định số 433/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi; bổ sung Quyết định số 544/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017;

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch vay trả nợ của Chính phủ và các hạn mức vay nợ hằng năm;

- Báo cáo Quốc hội về tình hình huy động, quản lý sử dụng vốn vay và các chỉ tiêu an toàn nợ công theo đúng quy định của Luật Quản lý nợ công;

- Rà soát chiến lược quản lý nợ công trên cơ sở định hướng mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công giai đoạn 2016-2020, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát tình hình thực hiện chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020.

d) Về quản lý chặt chẽ bảo lãnh của Chính phủ, vay về cho vay lại

Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội ngày 9/11/2016 về kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, theo đó định hướng về hạn mức bảo lãnh Chính phủ cho các năm tiếp theo là: “hạn chế tối đa cấp bảo lãnh của Chính phủ cho các khoản vay mới; đối với 2 ngân hàng chính sách, bảo lãnh phát hành mới bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hằng năm”.

Trên cơ sở những định hướng nêu trên, Bộ Tài chính đã triển khai đồng loạt các nhóm giải pháp:

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ. Sau khi Luật quản lý nợ công năm 2017 có hiệu lực, Nghị định này được thay thế bằng Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

- Siết chặt hạn mức bảo lãnh và cấp mới bảo lãnh hằng năm;

- Thúc đẩy các doanh nghiệp nghiên cứu, có biện pháp áp dụng các công cụ tài chính hợp lý để giảm dư nợ của doanh nghiệp trong danh mục nợ được Chính phủ bảo lãnh theo hướng hạn chế tăng thêm dư nợ, thực hiện trả nợ trước hạn để giảm dư nợ bảo lãnh.

Kết quả, trong 2 năm 2016 - 2017 chỉ thực hiện cấp bảo lãnh Chính phủ cho 1 chương trình dự án vay vốn nước ngoài với tổng trị giá 170 triệu USD; thực hiện cấp mới bảo lãnh Chính phủ cho 2 ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu trên thị trường vốn trong nước bằng nghĩa vụ trả nợ gốc, nhờ vậy đã kìm hãm tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ bình quân giai đoạn 2011 - 2015 ở mức 15,3%/năm xuống còn 1,4%/năm vào năm 2016 và dư nợ năm 2017 thấp hơn năm 2016, tỷ lệ dư nợ bảo lãnh Chính phủ trong cơ cấu nợ công giảm từ 20,7% năm 2011 xuống còn 14,7% năm 2017, góp phần kiểm soát gia tăng nợ công.

Đối với quản lý vay về cho vay lại, Bộ Tài chính đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2017/NĐ-CP (sau khi Luật quản lý nợ công năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ thay thế Nghị định này) với các quy định công khai, minh bạch về tỷ lệ, điều kiện vay lại đã giúp đẩy nhanh quá trình xác định cơ chế tài chính trong nước cũng như giúp sàng lọc các dự án của địa phương không đảm bảo điều kiện được vay lại ngay từ giai đoạn đề xuất dự án; đồng thời tăng cường thẩm định các dự án, đối tượng cho vay lại đúng mục đích, kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn cho vay lại gắn với kế hoạch huy động vốn của Chính phủ, đảm bảo sử dụng vốn cho vay lại có hiệu quả.

đ) Đối với nội dung rà soát, tổng hợp giá trị các dự án mới kí kết và có khả năng sẽ ký kết trong giai đoạn 2016 – 2020 nhưng chưa có trong danh mục đầu tư công trung hạn, tình hình như sau:

Theo số liệu của Bộ Tài chính, từ ngày 1/1/2017 đến cuối tháng 9/2018, đã ký kết 52 hiệp định vay nước ngoài với giá trị vốn vay khoảng 4.700 triệu USD. Các chương trình, dự án này chưa nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tổng số hiệp định vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đang đàm phán, chưa ký kết tính đến thời điểm cuối tháng 9/2018 là 5 hiệp định với tổng giá trị khoảng 222,8 triệu USD (khoảng 9,48 nghìn tỷ đồng). Hiện nay còn 56 chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương sử dụng vốn vay nước ngoài (tổng trị giá vay nước ngoài khoảng 4,1 tỷ USD). Bên cạnh đó, còn khoảng 54 đề xuất của các bộ ngành, địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư

tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ với tổng trị giá đề xuất vay khoảng 4,8 tỷ USD.

5. Về các biện pháp tăng quản lý nợ công trong thời gian tới:

- Quán triệt và chỉ đạo các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp trong việc tăng cường quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Luật quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn.

- Xây dựng chương trình quản lý nợ trung hạn 2018-2020, trên cơ sở đó kiểm soát nợ công, nợ Chính phủ chặt chẽ trong phạm vi chỉ tiêu an toàn nợ công đã được Quốc hội phê duyệt. Chuẩn bị cho kế hoạch vay, trả nợ giai đoạn 2021-2025 theo qui định của Luật quản lý nợ công.

- Thực hiện các biện pháp tiếp tục tái cơ cấu nợ công bền vững, theo đó coi trọng việc phát triển thị trường vốn trong nước, sử dụng có chọn lọc nguồn vốn vay nước ngoài trong bối cảnh Việt Nam đã tốt nghiệp IDA.

- Quản lý chặt chẽ vay bù đắp thiếu hụt ngân sách Nhà nước, theo đó vay bù đắp thiếu hụt ngân sách cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước, bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để giải ngân nguồn vốn vay. Quản lý chặt chẽ bảo lãnh Chính phủ, trong phạm vi mức bảo lãnh được duyệt, hạn chế bảo lãnh mới; Thẩm định chương trình/dự án vay về chỗ vay lại hiệu quả, đảm bảo thu hồi nợ.

- Phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập nhằm tăng định mức tín nhiệm quốc gia trên thị trường quốc tế.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai Nghị quyết số 55/2017/QH14 của Quốc hội về hoạt động chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV. Chính phủ xin báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- VPQH: HC(5b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ: KTTH, V.I, QHQT, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).NQ 43

TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH



Đinh Tiến Dũng